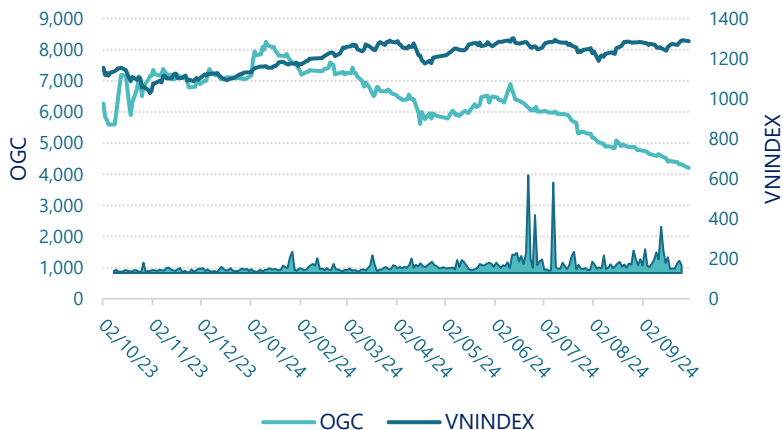




CTCP Tập đoàn Đại Dương (HSX: OGC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	4,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	186,350
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,260
P/E	39.5
EPS	106

DT thuần

Q3/24

581

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 417 | 254%

YoY: ▲ 12.0 | 2.2%

LN sau thuế

Q3/24

151

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 172 | 809%

YoY: ▲ 18.0 | 13.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

33.7%

+/- YoY: ▲ 2.4%

DT thuần

9T 2024

866

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.0 | 1.8%

LN sau thuế

9T 2024

100

tỷ VNĐ

YoY: ▼77.0 | -43.4%

ROE

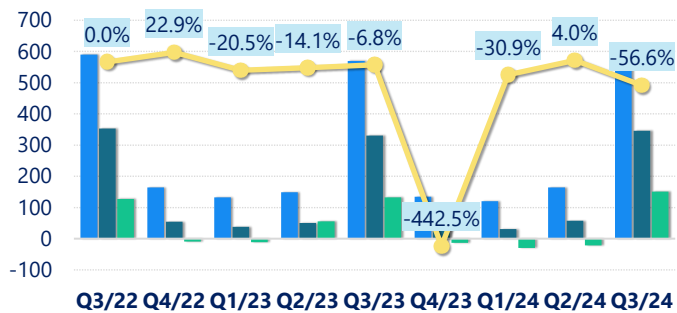
Q3/24

2.2%

+/- YoY: ▼ 6.8%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

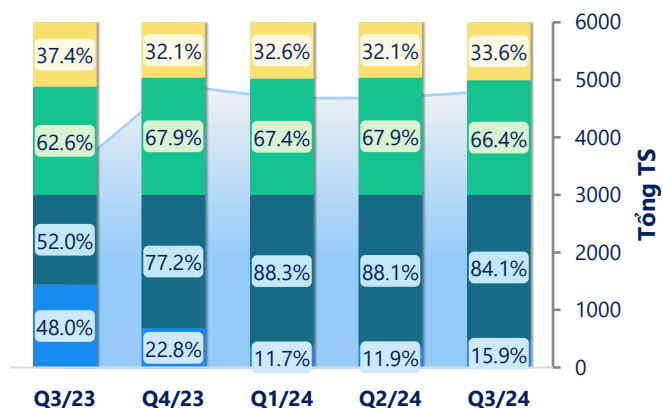


■ Doanh thu thuần
 ■ Lợi nhuận gộp
 ■ Lợi nhuận sau thuế
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

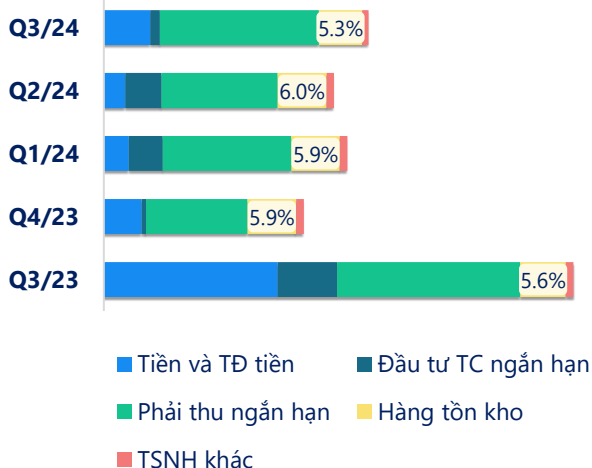
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản
 ■ Tài sản ngắn hạn
 ■ Tài sản dài hạn
 ■ Nợ phải trả
 ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

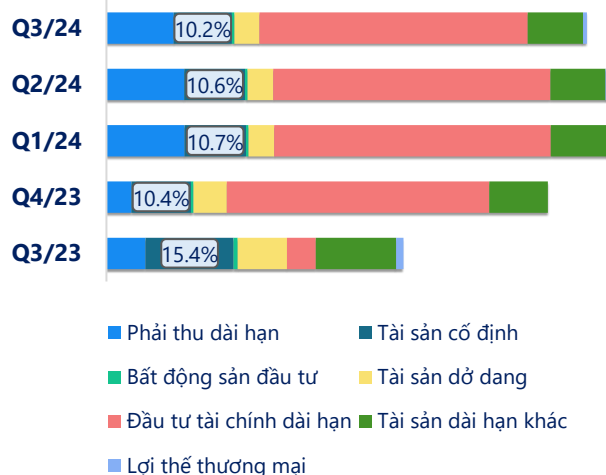
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



■ Tiền và TĐ tiền
 ■ Đầu tư TC ngắn hạn
 ■ Phải thu ngắn hạn
 ■ Hàng tồn kho
 ■ TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

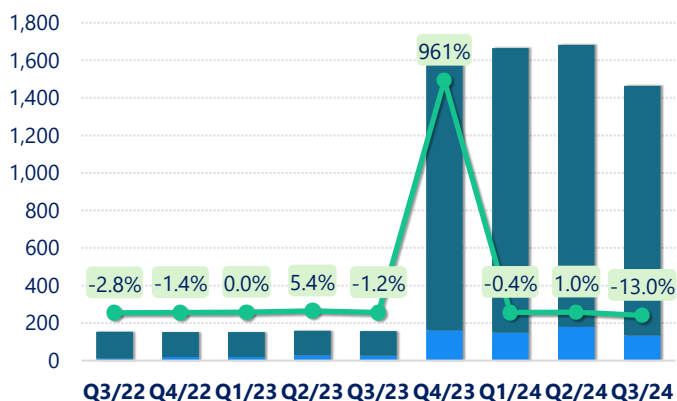


■ Phải thu dài hạn
 ■ Tài sản cố định
 ■ Bất động sản đầu tư
 ■ Tài sản dở dang
 ■ Đầu tư tài chính dài hạn
 ■ Tài sản dài hạn khác
 ■ Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

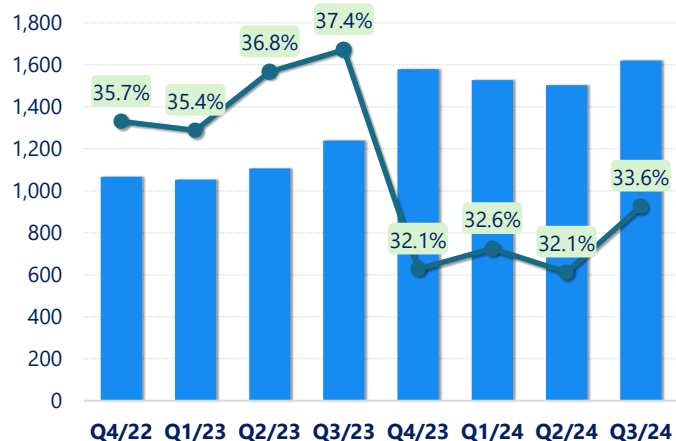


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn
 ■ Vay và nợ thuê dài hạn
 — Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

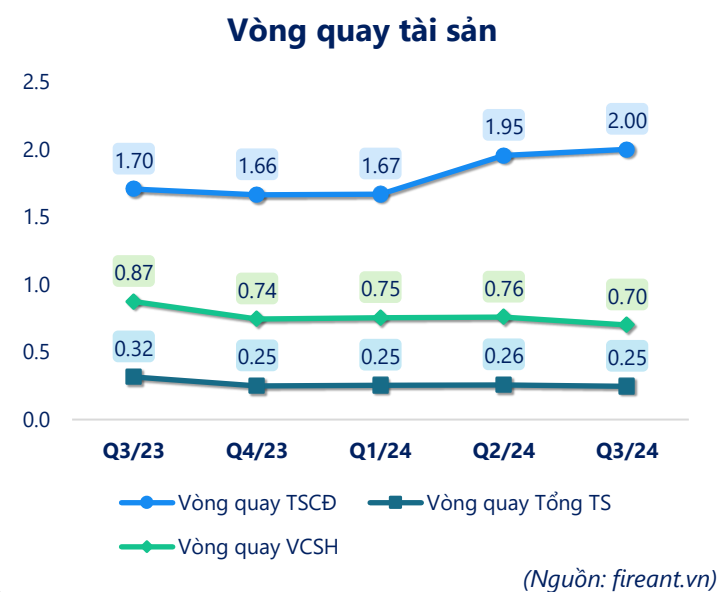
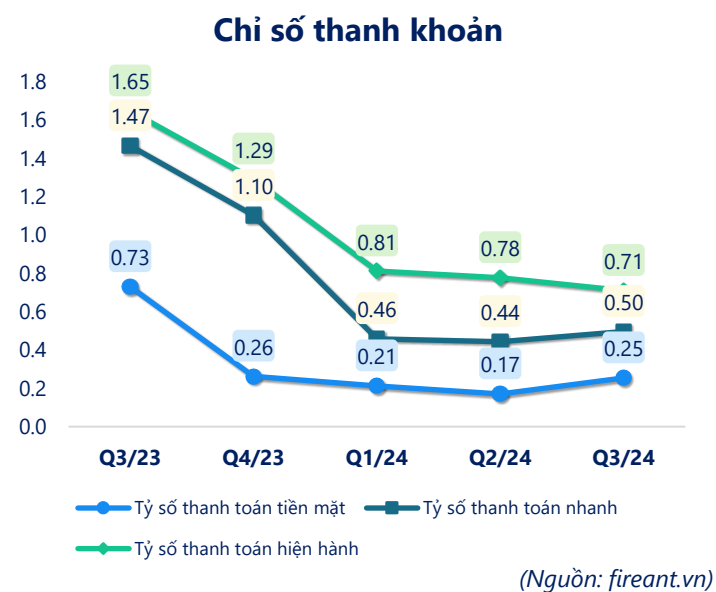
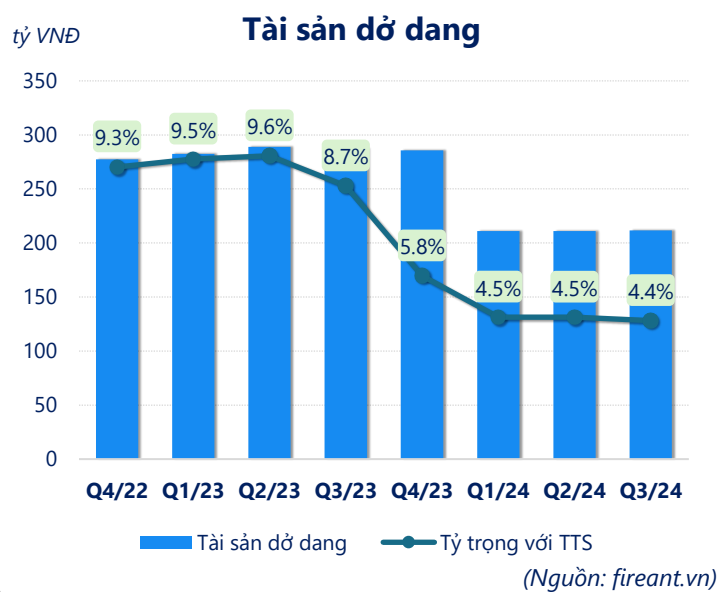
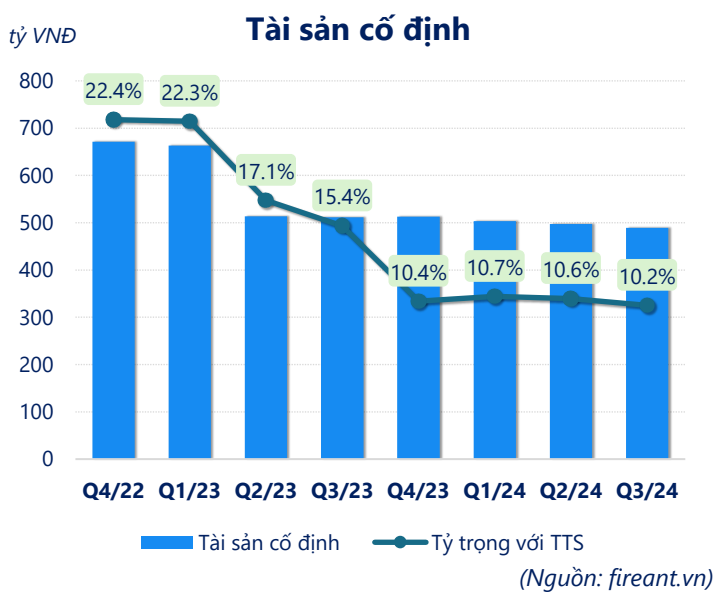
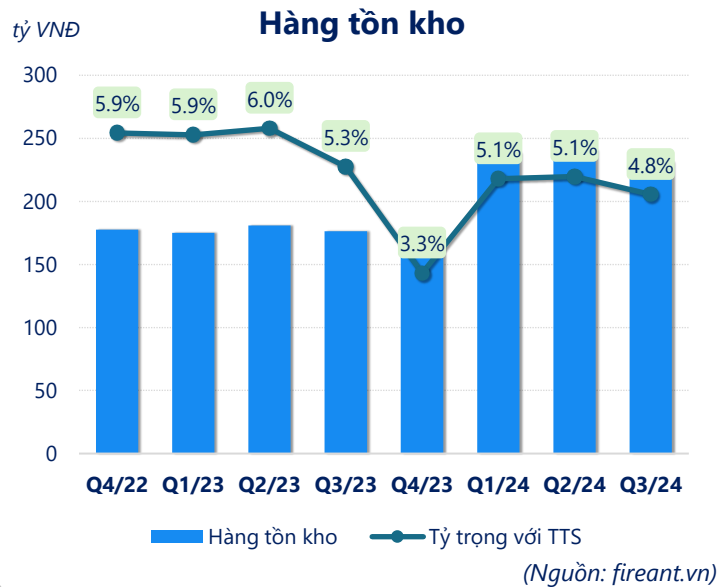
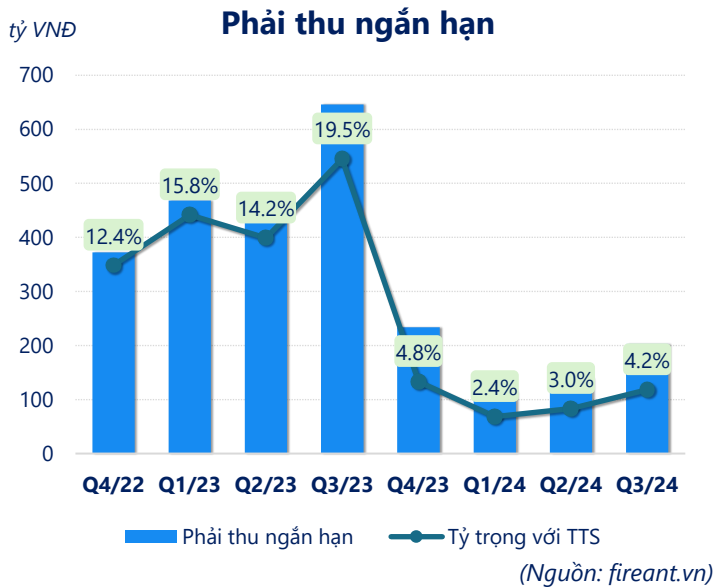
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



■ Vốn chủ sở hữu
 — Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	3,317	4,915	4,682	4,687	4,815
Tài sản ngắn hạn	1,593	1,119	547	559	765
Tiền và tương đương tiền	706	228	143	123	274
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.0	466	21.8	29.6	34.6
Phải thu ngắn hạn	646	234	114	139	203
Hàng tồn kho	176	164	238	240	231
Tài sản ngắn hạn khác	26.4	27.7	29.7	27.2	22.7
Tài sản dài hạn	1,724	3,795	4,136	4,128	4,050
Phải thu dài hạn	227	213	639	639	567
Tài sản cố định	511	513	503	497	489
Bất động sản đầu tư	22.7	22.4	22.1	21.8	21.5
Tài sản dở dang	287	286	211	211	212
Đầu tư tài chính dài hạn	167	2,260	2,267	2,272	2,261
Tài sản dài hạn khác	466	501	457	452	467
Lợi thế thương mại	42.2	0	36.5	34.6	33.4
Nợ phải trả	2,078	3,335	3,155	3,185	3,196
Nợ ngắn hạn	967	866	673	720	1,077
Vay và nợ thuê ngắn hạn	25.2	161	148	179	133
Phải trả người bán ngắn hạn	90.9	23.3	20.2	21.6	256
Nợ dài hạn	1,111	2,469	2,482	2,465	2,119
Vay và nợ thuê dài hạn	132	1,511	1,517	1,502	1,330
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,239	1,579	1,527	1,503	1,620
Vốn chủ sở hữu	1,239	1,579	1,527	1,503	1,620
Vốn điều lệ	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)